

Bản án số: **18/2022/DS-ST**
Ngày: 26/7/2022
V/v “Đòi lại tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Văn Nay

2. Bà Lương Thị Bảo Thùy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Nam - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm - Kiểm sát viên

Vào ngày 26/7/2022, tại Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 115/2020/TLST- DS ngày 15 tháng 7 năm 2020 về việc “Đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2022/QĐST-DS ngày 27/05/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2022/QĐST-DS ngày 27/06/2022 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** + Ông Lê Thiêm S, sinh năm: 1970

+ Bà Đinh Thị Y, sinh năm: 1982

Cùng địa chỉ: Ấp 3A, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

* **Bị đơn:** Bà Lê Thị T, sinh năm: 1956

Địa chỉ: Tổ 7, ấp B, xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Ông Đỗ Huy K, sinh năm: 1952

+ Bà Đỗ Thị N, sinh năm: 1983

Cùng địa chỉ: Tổ 7, ấp B, xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

(Ông S có mặt; bà Y, bà T, ông K, bà N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 08/7/2020, các lời khai bổ sung và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Lê Thiêm S, bà Đinh Thị Y cùng trình bày:

Vào năm 2010 và 2011, bà Lê Thị T có vay của ông S, bà Y tổng số tiền là 75.000.000đ, thời hạn vay 01 năm, lãi suất 3%/tháng.

Cụ thể:

+ Ngày 15/12/2010: vay 10.000.000đ.

+ Ngày 15/01/2011: vay 50.000.000đ

+ Ngày 15/09/2011: vay 15.000.000đ

Đến nay, bà T chỉ trả lãi được 01 năm (đến tháng 11/2012) và ngưng không đóng lãi cho đến nay. Khi vay hai bên có lập giấy nợ (Giấy nợ ngày 15/12/2010 và ngày 15/01/2011 do bà T là người ký; riêng giấy nợ ngày 15/09/2011 do con gái bà T là bà Đỗ Thị N là người ký thay).

Do chưa đủ cơ sở khởi kiện nên ông S, bà Y xin rút một phần yêu cầu đối với khoản nợ 15.000.000đ theo giấy nợ ngày 15/9/2011. Hiện ông S, bà Y yêu cầu bà T phải trả số tiền gốc còn nợ là 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi theo 02 giấy nợ ngày 15/12/2010 và ngày 15/01/2011.

Chứng cứ: Bản tự khai, CMND, sổ hộ khẩu, 03 giấy vay tiền ngày 15/12/2010, 15/01/2011, 15/09/2011; đơn đề nghị trưng cầu giám định.

- Tại bản tường trình ngày 30/11/2020, các lời khai bổ sung bị đơn bà Lê Thị T trình bày:

Bà T không thừa nhận việc có vay của ông S, bà Y 03 lần tổng số tiền 75.000.000đ vào các ngày 15/12/2010, 15/01/2011, 15/09/2011 như ông S, bà Y trình bày.

Trước đây, gia đình bà có giải quyết tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với vợ chồng ông S, bà Y tại Tòa án huyện X, tỉnh Đồng Nai nhưng đã giải quyết và thanh toán xong, không còn liên quan đến nhau. Nay bà không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Chứng cứ: CMND, đơn trình bày ngày 26/10/2020, bản tự khai ngày 27/10/2020.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Huy K, bà Đỗ Thị N: Đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc cũng như không có ý kiến nộp cho tòa án (Riêng ông Đỗ Huy K có đến Tòa làm việc ngày 07/12/2020 nhưng không ký biên bản và bỏ về).

Chứng cứ: không có.

- Các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: 01 biên bản hòa giải ngày 30/5/2019 tại UBND xã X (photo); Biên bản lấy lời khai ông S ngày 29/3/2021; Biên bản đối chất giữa ông S, bà T ngày 07/12/2020; Biên bản đối chất giữa ông S, bà T ngày 30/11/2020; Kết luận giám định chữ ký số 801/KL-KTHS ngày 04/3/2022; Biên bản xác minh nơi cư trú.

- Ý kiến của kiểm sát viên:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Tòa án và đương sự trong việc giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng theo quy định của BLTTDS.

Những người tham gia tố tụng cũng chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ vào 02 giấy vay tiền ngày 15/12/2010, 15/01/2011 và Kết luận giám định chữ ký số 801/KL-KTHS ngày 04/3/2022, đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc bà T phải thanh toán cho ông S, bà Y số tiền là 60.000.000đ. Bà T phải chịu án phí theo quy định và hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho ông S, bà Y.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật: Ông S, bà Y khởi kiện bà T, nội dung khởi kiện yêu cầu giải quyết về tiền vay, nghĩa vụ trả lại tiền gốc, không yêu cầu tính lãi suất, căn cứ khoản 2 Điều 26 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ kiện “Đòi lại tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Long Khánh.

[2] Tư cách tham gia tố tụng: ông S, bà Y là nguyên đơn, bà T là bị đơn. Ông K là chồng của bà T nên xác định ông là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Bà N là con gái của bà T, theo lời khai của ông S bà Y thì bà T vay số tiền 60.000.000đ là đứng ra vay giúp bà N nên xác định bà N là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[3] Thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại Khoản 2 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì *“Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên với điều kiện yêu cầu này phải được đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc”*.

Trong quá trình giải quyết, do các bên không yêu cầu áp dụng thời hiệu nên vụ án vẫn còn thời hiệu khởi kiện.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ vào bản gốc giấy nợ ngày 15/12/2010 và ngày 15/01/2011 có chữ ký đề tên “T” do nguyên đơn cung cấp.

Căn cứ kết luận giám định số 801/KL-KTHS ngày 04/3/2022 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh, đã thể hiện chữ ký tên “T” trên 02 giấy nợ ngày 15/12/2010 và ngày 15/01/2011 và chữ ký tên “T” tại các mẫu so sánh (Do bà Lê Thị T đã ký) là do cùng một người ký ra.

Như vậy, đã có đủ căn cứ xác định vào ngày 15/12/2010 và ngày 15/01/2011 bà T có vay của nguyên đơn 02 lần với tổng số tiền gốc là 60.000.000 đồng và đến nay vẫn chưa thanh toán cho nguyên đơn. Đây là tài sản thuộc quyền sở hữu của nguyên đơn nên việc bà T chiếm giữ, kéo dài việc thanh toán là vi phạm, do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà T trả cho nguyên đơn số tiền 60.000.000 đồng.

Đối với số tiền 15.000.000đ tại giấy nợ ngày 15/9/2011 trong quá trình giải quyết, nguyên đơn khai chữ ký trên giấy nợ là do bà Đỗ Thị N (con gái bà T ký hộ

bà T). Do chưa đủ cơ sở giám định chữ ký nên ngày 06/01/2022, nguyên đơn đã xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 15.000.000đ nói trên. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của nguyên đơn.

[5] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Đỗ Thị N (con gái bà T): Trong quá trình giải quyết, nguyên đơn khai số tiền 60.000.000đ tại 02 giấy nợ ngày 15/12/2010 và ngày 15/01/2011 là do bà T vay hộ cho con gái là bà Đỗ Thị N. Tuy nhiên, bà T không thừa nhận và cũng không có yêu cầu gì đối với bà N nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Đỗ Huy K (chồng bà T): Trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chỉ khởi kiện đối với bà T; ông K không ký trong giấy nợ; bà T cũng cho rằng không liên quan đến ông K, không có yêu cầu gì đối với ông K nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Trong suốt quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà Đỗ Thị N, ông Đỗ Huy K nhưng bà N, ông K đều vắng mặt và không cung cấp lời khai cho Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử tách và giành quyền khởi kiện cho bà Lê Thị T đối với bà Đỗ Thị N, ông Đỗ Huy K trong một vụ án khác khi có yêu cầu.

[6] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu chi phí giám định chữ ký.

[7] Về án phí: do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận (60.000.000đ) nên bị đơn phải chịu án phí DSST là 3.000.000đ. Bà Lê Thị T là người cao tuổi, tuy nhiên bà T không có đơn xin miễn giảm án phí nên Tòa án không xem xét.

[8] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát thành phố Long Khánh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 26, 35, 147, 184, 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 256, 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Thiêm S, bà Đinh Thị Y.

Buộc bà Lê Thị T trả cho ông Lê Thiêm S và bà Đinh Thị Y số tiền **60.000.000đ** (Sáu mươi triệu đồng).

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Lê Thiêm S, bà Đinh Thị Y đối với số tiền 15.000.000đ theo giấy nợ ngày 15/9/2011.

- Tách và giành quyền khởi kiện cho bà Lê Thị T đối với bà Đỗ Thị N và ông Đỗ Huy K trong một vụ án khác khi có yêu cầu.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (sau khi án có hiệu lực pháp luật), hàng tháng người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về chi phí tố tụng: Bà Lê Thị T phải hoàn trả cho ông Lê Thiêm S và bà Đinh Thị Y chi phí giám định chữ ký là 3.000.000đ.

- Về án phí: Bà Lê Thị T phải chịu 3.000.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Lê Thiêm S và bà Đinh Thị Y số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.875.000đ theo biên lai thu tiền số 0006266 ngày 15/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Khánh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. L;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Lưu án văn;
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Hải